TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:157/2022/HC-PT
Ngày: 09/5/2022.
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 525/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3580/2022/QĐPT-HC ngày 20 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Khổng Trung S; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (có mặt).

***2. Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Khổng Trung S; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (có mặt).

4. Người làm chứng: Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1990, vợ chồng ông Khổng Trung S, bà Vũ Thị H nhận chuyển nhượng từ ông Khổng Hữu T diện tích đất 163m^2 tại thửa số 151, tờ bản số 4, địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng. Việc nhận chuyển nhượng là đúng quy định của pháp luật và được kê khai trong sổ mục kê xã C năm 1994. Ngày 22/12/2010, vợ chồng ông S, bà H được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB456451 với diện tích là 158m^2 đất ở tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 4 nên trên.

Năm 2018, khi Nhà nước thực hiện Dự án mở rộng Quốc lộ 17A (nay là Quốc lộ 37), Ủy ban nhân dân huyện B có ban hành quyết định thu hồi của gia đình ông S 20,4m^2 đất, nhưng chỉ nhận được số tiền bồi thường theo phương án được duyệt kể cả được duyệt bổ sung tổng cộng là 206.186.160 đồng (trong đó bồi thường 14,4m^2 đất x 8.250.000 đồng/m^2 = 118.800.000 đồng, tài sản vật kiến trúc trên đất số tiền 87.386.160 đồng). Do đó ông S khiếu nại với các lý do: Diện tích đất bị thu hồi 20,4m^2 là đất ở nhưng chỉ được tính 14,4m^2, còn lại 6m^2 không bồi thường và xác định đây là đất công trình giao thông là không đúng; đồng thời, bồi thường về đất ở là thấp, tính theo giá đất năm 2015 là không phù hợp với giá đất vào thời điểm bồi thường năm 2019.

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 382/QĐ-UBND, giữ nguyên các quyết định phê duyệt phương án bồi thường đối với gia đình ông. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại này, ông S có đơn khởi kiện đến Tòa án, yêu cầu:

+ Hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S, thôn A, xã C, huyện B (lần đầu);

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường cho gia đình ông diện tích đất thu hồi chưa được bồi thường là 6m^2 và bồi thường về đất theo giá đất phổ biến trên thị trường.

Người đại diện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B trình bày:

Theo hồ sơ địa chính do Ủy ban nhân dân xã C quản lý, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04, bản đồ giải thửa năm 1994, diện tích 163m^2, chủ sử dụng mang tên ông

Khổng Trung S. Nguồn gốc do Ủy ban nhân dân xã C giao cho ông Khổng Hữu T làm nhà ở từ năm 1979; khoảng năm 1985-1986 ông T chuyển nhượng một phần thửa đất cho ông S (hiện hồ sơ giao đất, hồ sơ chuyển nhượng không còn lưu trữ).

Theo hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công đường TL17 do Công ty tư vấn xây dựng công trình giao thông 2 lập năm 2003, tại mặt cắt ngang cho thấy bề rộng nền đường là 9m, trong đó: mặt đường là 7m, lề đường mỗi bên là 01m; trong phạm vi lề đường được trồng hòn vỉa đá ba tiếp giáp với mép đường nhựa, từ mép đường nhựa trở ra 1,0m là đất của đường bộ tiếp giáp với đất ở của ông S. Do đó, tính từ mép nhựa đường hiện trạng vào giáp đất ở của ông S 1,0m được Ủy ban nhân dân xã C xác định là đất của đường bộ không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện được bồi thường theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013 là đúng quy định và đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông S. Việc gia đình ông S đề nghị bồi thường 6m^2 đất thuộc phạm vi đất của đường bộ là không có cơ sở để giải quyết.

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành, thì giá đất tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất là giá đất cụ thể được tính trong điều kiện vị trí, cơ sở hạ tầng hiện có và do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013. Giá đất cụ thể để tính tiền khi Nhà nước thu hồi đất đối với Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 đoạn qua xã C, huyện B đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 10-6-2019, trong đó giá đất cụ thể tại vị trí thửa đất của hộ gia đình ông S là 8.250.000 đồng/m^2.Việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường của Ủy ban nhân dân huyện B đã đảm bảo đúng quy định tại các Điều 62, 66, 67, 69 của Luật Đất đai và bảo đảm quyền lợi của gia đình ông S. Giá đất cụ thể để tính bồi thường khi nhà nước thu hồi đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố quyết định là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Điều 114 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, ông Khổng Trung S đề nghị nâng giá đất ở của gia đình ông theo giá đất phổ biến trên thị trường theo khoản 2 Điều 112 Luật Đất đai năm 2013 là không có cơ sở để chấp nhận.

Ngày 15/11/2019, ông Khổng Trung S có đơn khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với gia đình ông chưa đúng, chưa đủ về diện tích đất, tài sản trên đất và chưa hỗ trợ nhân khẩu theo quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã thực hiện việc thụ lý, xác minh các nội dung khiếu nại của ông S theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền quy định tại Luật Khiếu nại năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngày 20/01/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S, thôn A, xã C, huyện B (lần đầu), giữ nguyên các quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 đoạn qua

xã C. Vì vậy, đề nghị Tòa bác đơn khởi kiện của ông Khổng Trung S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H ủy quyền cho ông Khổng Trung S, thống nhất với lời khai và đề nghị của ông S.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 30; Điều 32; Điều 193; Điều 194 Luật Tố tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 66, Điều 69 và Điều 75, Điều 204 của Luật Đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Trung S về việc đề nghị:

+ Tuyên hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S, thôn A, xã C, huyện B (Lần đầu);

+ Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi còn thiếu của gia đình ông S là 6m^2 theo khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013;

+ Nâng giá đất ở của gia đình ông Khổng Trung S theo giá đất phổ biến trên thị trường theo khoản 2 Điều 112 Luật Đất đai năm 2013.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 15/10/2021, người khởi kiện là ông Khổng Trung S có đơn kháng cáo; Ngày 18/10/2021, bổ sung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Ngày 02/11/2021, kháng cáo bổ sung đề nghị hủy án sơ thẩm và buộc Ủy ban nhân dân huyện B thu hồi quyết định giải quyết khiếu nại và ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường 06m^2 còn thiếu cho gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Khổng Trung S giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Khổng Trung S, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Ngày 15/10/2021 và 18/10/2021, ông Khổng Trung S có đơn kháng cáo, kháng cáo bổ sung nhưng do nội dung đơn kháng cáo xác định Tòa án ra bản án chưa đúng nên Tòa án cấp sơ thẩm yêu cầu bổ sung, thay đổi. Ngày 02/11/2021, ông S tiếp tục có đơn kháng cáo bổ sung đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng nên được chấp nhận là trong thời hạn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về thời hiệu và đối tượng khởi kiện:

Ngày 20/01/2020, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện B ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S (lần đầu) là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Ngày 15/01/2021, ông Khổng Trung S có đơn khởi kiện (Tòa án nhận ngày 18/01/2021), là đúng đối tượng và trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

Các Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 về việc thu hồi đất thực hiện Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 đoạn trên địa bàn xã C, huyện B; Quyết định 3632/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 về việc thu hồi đất (bổ sung); Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đều của Uỷ ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng là các quyết định có liên quan cần xem xét theo quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của ông Khổng Trung S:

[3.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính:

Căn cứ Quyết định số 2933/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 và các văn bản liên quan, Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng đã tiến hành các thủ tục như kiểm tra, rà soát tổng hợp tình hình sử dụng đất trong phạm vi thực hiện dự án, hội nghị lấy ý kiến nhân dân, kiểm đếm tài sản trên đất, niêm yết công khai về nguồn gốc đất và phương án bồi thường, tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện dự án. Ngày

17/8/2018, Ủy ban nhân dân huyện B ban hành Thông báo thu hồi đất số 1255/TB-UBND đối với diện tích đất của hộ ông Khổng Trung S. Quá trình thực hiện các trình tự, thủ tục ông S đều đã biết và nhận được các quyết định, văn bản liên quan đến thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành các Quyết định số 2821/QĐ-UBND ngày 23/8/2019, về việc thu hồi đất của hộ ông Khổng Trung S; Quyết định số 3632/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 về việc thu hồi bổ sung diện tích đất đối với hộ ông S; Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng; Quyết định số 3629/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng là đúng trình tự thủ tục và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Sau khi ông Khổng Trung S có khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B đã thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại, thành lập tổ xác minh, tiến hành xác minh và ban hành Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/01/2020 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Khổng Trung S là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định của Luật khiếu nại.

[3.2] Về nội dung:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông Khổng Trung S được xác định như sau:

Tại sổ chuyên dụng năm 1979–1983 diện tích đất của gia đình ông S nằm trong thửa đất của ông Khổng Hữu T, có diện tích được quyền sử dụng là 402m^2. Năm 1985–1986 ông Khổng Hữu T chia thửa đất làm 3 phần và bán cho các ông Khổng Trung S, ông Nguyễn Đức V và ông Khổng Hữu D.

Tại sổ mục kê, bản đồ giải thửa năm 1994 diện tích đất của ông Khổng Trung S được thể hiện tại thửa đất số 151, tờ bản đồ số 4, diện tích đất được quyền sử dụng là 163m^2, diện tích đất thể hiện trên bản đồ giải thửa năm 1994 tỉ lệ 1/1000 có vị trí tính từ mép bờ sông đến thửa đất khoảng 17,0m-17,1m.

Ngày 22 tháng 12 năm 2010, ông Khổng Trung S được Ủy ban nhân dân huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích đất được quyền sử dụng là 158m^2, diện tích đất thể hiện trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có vị trí cách tim đường 6,7m.

Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06/8/2021 kèm theo sơ đồ hiện trạng, thể hiện diện tích đất gia đình ông S đang sử dụng là 239m^2, có chiều ngang tiếp giáp Quốc lộ 37 là 6m, phía sau tiếp giáp đất nông nghiệp là 6m, chiều dài thửa đất

các cạnh lần lượt là 39,7m và 39,3m; Quốc lộ 37 hiện trạng tại vị trí đất nhà ông S bề rộng mặt đường là 8,9m (từ mép đường nhựa đến tim đường là 4,5m^2).

Theo hồ sơ thiết kế đường do công ty tư vấn xây dựng công trình giao thông 2 lập năm 2003 và đã được thi công đưa vào khai thác sử dụng thể hiện: Tại mặt cắt ngang bề rộng nền đường là 9m, trong đó bề rộng mặt đường là 7m, bề rộng lề đường mỗi bên là 1m.

Theo trích đo địa chính năm 2018 thì diện tích đất gia đình ông Khổng Trung S đang sử dụng là 238m^2, đã xây dựng các công trình trên đất. Đồng thời xác định phần diện tích đất thu hồi thực hiện dự án là 20,4m^2, trong đó diện tích đất ở của ông Khổng Trung S là 14,4m^2, đất công trình giao thông là 6m^2 (thuộc phạm vi lề đường, tính từ mép đường nhựa hướng về phía đất ở của ông S là 01m).

Tòa án cấp sơ thẩm xác định, diện tích đất gia đình ông S đang sử dụng là nhiều hơn diện tích đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích đất 20,4m^2 mà Ủy ban nhân dân huyện B đã thu hồi để thực hiện dự án chưa ảnh hưởng đến tổng diện tích đất mà gia đình ông đang sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để xem xét buộc Ủy ban nhân dân huyện B phải bồi thường thêm cho gia đình ông giá trị 6m^2 theo như yêu cầu của ông.

Đối với yêu cầu tính giá bồi thường theo giá thị trường:

Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 đoạn trên địa bàn xã C, huyện B là để thực hiện công trình vì lợi ích quốc gia, công cộng, nên Ủy ban nhân dân huyện B phê duyệt phương án bồi thường theo nguyên tắc: tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất được tính theo giá đất cụ thể do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất, theo quy định tại Điều 74 Luật Đất đai 2013 là phù hợp.

Tại Quyết định số 1368/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã căn cứ Điều 114 của Luật đất đai, quy định giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất tại tuyến đường từ Ngã ba Đoàn Lập – Cầu Hàn – Quốc lộ 37 đoạn qua xã C, huyện B, Hải Phòng thì giá đất tại vị trí thửa đất của hộ gia đình ông Khổng Trung S là 8.250.000đ/1m^2. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện B áp dụng mức bồi thường theo quy định này là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu bồi thường về đất theo giá thị trường của ông Khổng Trung S là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Khổng Trung S.

[4] Các nội dung khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng

xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Về án phí: ông Khổng Trung S là người cao tuổi, có đơn đề nghị xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của ông Khổng Trung S, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Trung S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S, thôn A, xã C, huyện B (Lần đầu); Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi còn thiếu của gia đình ông S là 6m^2 theo khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 và nâng giá đất ở của gia đình ông Khổng Trung S theo giá đất phổ biến trên thị trường.

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Ông Khổng Trung S được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Cường **Nguyễn Tất Nam** **Hồ Sỹ Hưng**

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Sỹ Hưng

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại Phòng nghị án số 4, trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Sỹ Hưng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cường;

Ông Nguyễn Tất Nam.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 525/2021/TLPT-HC ngày 02 tháng 12 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất" giữa:

1. Người khởi kiện: Ông Khổng Trung S; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (có mặt).

***2. Người bị kiện*:** Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Khổng Trung S; địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (có mặt).

4. Người làm chứng: Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, thành phố Hải Phòng (vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Bác kháng cáo của ông Khổng Trung S, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 68/2021/HC-ST ngày 05 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, cụ thể:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Khổng Trung S về việc yêu cầu hủy Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20-01-2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại của ông Khổng Trung S, thôn A, xã C, huyện B (lần đầu); Yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện B bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi còn thiếu của gia đình ông S là 6m^2 theo khoản 1 Điều 75 của Luật Đất đai năm 2013 và nâng giá đất ở của gia đình ông Khổng Trung S theo giá đất phổ biến trên thị trường.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

[2] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Ông Khổng Trung S được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

3/3 biểu quyết nhất trí 3/3 = 100%

Ý kiến khác: Không.

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TỌA**

Nguyễn Văn Cường **Nguyễn Tất Nam** **Hồ Sỹ Hưng**